

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AP
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 545/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27 – 12 – 2022
V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AP, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ H Nghiệp;
- Bà Nguyễn Thị Lợi.

Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện AP, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện AP, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện AP, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 453/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 802/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 859/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1995; địa chỉ: Tổ 42, ấp ĐK, xã QT, huyện AP, tỉnh An Giang; chỗ ở hiện nay: Tổ 03, ấp 1, xã VX, thị xã TC, tỉnh An Giang.

Bi đơn: Ông Hồ Văn T, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ 42, ấp ĐK, xã QT, huyện AP, tỉnh An Giang.

Bà Trần Thị H vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Hồ Văn T vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của bà Trần Thị H, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông T quen biết nhau do mai mối, sau đó được gia đình cho tiến đến hôn nhân vào năm 2015, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã QT, huyện AP, tỉnh An Giang (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 121, quyển số I/2015, ngày 27/8/2015). Quá trình chung sống, thời gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc. Tuy nhiên đến năm 2019, thì bà H và ông T bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Bà H và ông T đã nhiều lần ly thân nhưng do gia đình động viên, hòa giải nên cả hai đã quay lại tiếp tục chung sống. Tuy nhiên, mâu thuẫn không giảm bớt mà ngày càng trầm trọng. Đến khoảng tháng 6/2022 thì bà H và ông T sống ly thân cho đến nay, không hàn gắn tình cảm. Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà H và ông T có với nhau 01 (một) con chung tên Hồ Thị Kim A, sinh ngày 25/01/2016. Hiện con chung đang sống cùng ông T và gia đình. Bà H đồng ý để ông T được tiếp tục nuôi dạy con chung, bà H sẽ không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H khai không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Theo Đơn đồng thuận ly hôn ngày 26/11/2022, ông Hồ Văn T cho biết: Ông T đồng ý ly hôn với bà Trần Thị H, ông T chỉ có yêu cầu được nuôi dạy con chung do con chung từ nhỏ đã sống với gia đình ông T, ông T không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập ông T để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 17/11/2022 nhưng ông T vắng mặt không rõ lý do.

Ngày 17/11/2022, bà Trần Thị H có đơn yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ cần thiết cho việc giải quyết vụ án, yêu cầu không tiến hành hòa giải và xin được vắng mặt khi vụ án được đưa ra xét xử do làm ăn xa.

- Về tài liệu, chứng cứ:

Tài liệu, chứng cứ do bà Trần Thị H giao nộp: Bản sao Giấy chứng nhận kết hôn ngày 27/8/2015 của Ủy ban nhân dân xã QT, huyện AP, tỉnh An Giang; bản sao Giấy căn cước công dân mang tên Trần Thị H; bản sao Sổ hộ khẩu gia đình mang tên Hồ Văn T; bản sao giấy khai sinh mang tên Hồ Thị Kim A; bản chính Đơn yêu cầu đề ngày 17/11/2022; bản chính Bản tự khai người làm chứng ngày 18/11/2022 kèm căn cước công dân mang tên Lê Thị Phụng G.

Tài liệu, chứng cứ do ông Hồ Văn T giao nộp: Bản chính Đơn đồng thuận ly hôn ngày 26/11/2022.

Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Biên bản xác minh ngày 17/11/2022 tại Công an xã QT, huyện AP.

- Theo biên bản xác minh ngày 17/11/2022, đại diện Công an xã QT cho biết: Ông Hồ Văn T, sinh năm 1991 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Ấp ĐK, xã QT, huyện AP, tỉnh An Giang. Ông T hiện nay đang đi làm ăn xa ở Bình Dương nhưng vẫn thường xuyên đi và về. Cha ông T tên Hồ Văn T1 và mẹ tên Nguyễn Thị Ngọc G thường xuyên sinh sống tại địa phương.

- Theo bản tự khai đề ngày 18/11/2022, bà Lê Thị Phụng G cho biết:

Bà G là chị dâu của bà Trần Thị H, hiện đang chung sống cùng bà H nên bà G biết rõ mâu thuẫn gia đình giữa bà Trần Thị H và ông Hồ Văn T. Bà Giao giao nộp bản tự khai này để cung cấp lời khai để Tòa án có căn cứ giải quyết vụ án.

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông T do mai mối nên quen biết và tiến đến hôn nhân vào năm 2015, có tổ chức lễ cưới. Quá trình chung sống, do bà H và ông T chung sống với nhau không hạnh phúc nên cả hai nhiều lần sống ly thân. Gia đình hai bên cũng cố gắng động viên cho cả 02 hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên, đến giữa năm 2022 thì cả hai phát sinh mâu thuẫn trầm trọng và bà H về chung sống cùng bà G và gia đình đến nay, không hàn gắn tình cảm với ông T. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà H và ông T là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà H và ông T có với nhau 01 con chung tên Hồ Thị Kim A, sinh ngày 25/01/2016. Hiện con chung đang sống cùng ông T và gia đình ông T.

Về tài sản chung, nợ chung: Không rõ.

Do bận công việc làm ăn nên bà G yêu cầu được vắng mặt khi Tòa án triệu tập. Bà G cam đoan lời khai của mình là đúng sự thật và giữ nguyên lời khai của mình.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện AP:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Ông Hồ Văn T vắng mặt lần thứ hai không lý do; bà Trần Thị H có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 207, Điều 228, Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Theo trình bày của bà Trần Thị H và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà H và ông T đã đến mức trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Do đó, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H. Về con chung: Ông T được trực tiếp nuôi dạy con chung tên: Hồ Thị Kim A, sinh ngày 25/01/2016, bà H không phải cấp

dưỡng để nuôi dạy con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Bà H khai không có nên đề nghị không đề cập giải quyết.

Các bên đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho tòa án; không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Su khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bị đơn ông Hồ Văn T đều vắng mặt không lý do; đồng thời, ông Hồ Văn T đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Như vậy, ông T đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình. Nguyên đơn bà Trần Thị H có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, vụ án được xem là không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết:

Hôn nhân giữa bà Trần Thị H và ông Hồ Văn T hình thành do mai mối và tiến đến hôn nhân vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã QT, huyện AP, tỉnh An Giang (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 121, quyền số I/2015, ngày 27/8/2015). Ông T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Tổ 42, ấp ĐK, xã QT, huyện AP, tỉnh An Giang nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện AP, tỉnh An Giang theo quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và quy định tại Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Quá trình chung sống, thời gian đầu bà H và ông T chung sống với nhau hạnh phúc. Tuy nhiên đến năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Bà H và ông T đã nhiều lần ly thân nhau nhưng do gia đình động viên, hòa giải nên cả hai đã quay lại tiếp tục chung sống. Tuy nhiên, mâu thuẫn không giảm bớt mà ngày càng trầm trọng. Do đó, đến khoảng tháng 6/2022 thì bà H và ông T sống ly thân nhau cho đến nay, không hàn gắn tình cảm.

Nam nữ khi tiến đến hôn nhân đều hướng đến mục đích là xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững nhưng giữa bà H và ông T lại tồn tại những mâu thuẫn không thể hàn gắn dẫn đến đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Cả hai đã sống ly thân nhau từ đầu tháng 6/2022 cho đến nay. Quá trình sống ly thân, cả

hai đã không hàn gắn tình cảm vợ chồng, gia đình hai bên cũng nhiều lần động viên, hòa giải cho cả hai nhưng bà H và ông T không thể hàn gắn tình cảm. Điều này đã cho thấy sự vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Từ những phân tích nêu trên, có thể nhận thấy mâu thuẫn hôn nhân giữa bà H và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Sau khi xem xét điều kiện nuôi con của bà Trần Thị H và ông Hồ Văn T. Nhận thấy con chung từ nhỏ đã chung sống với ông T và gia đình ông T, bản thân bà H cũng xác nhận để ông T được trực tiếp nuôi dạy con chung. Do đó, để đảm bảo sự ổn định tâm sinh lý và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quyết định để ông T được trực tiếp nuôi dạy con chung tên: Hồ Thị Kim A, sinh ngày 25/01/2016. Bà H không phải cấp dưỡng cho ông T để nuôi con chung, do bản thân bà H có thu nhập không ổn định và ông T cũng không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Bà Trần Thị H cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được nuôi con của ông Hồ Văn T. Ngược lại, ông Hồ Văn T cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở bà Trần Thị H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết. Tuy nhiên, nếu sau này ông T có yêu cầu về tài sản chung, nợ chung thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác:

Bà Trần Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, ông Hồ Văn T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

[5] Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị H và ông Hồ Văn T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; các điều 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị H được ly hôn với ông Hồ Văn T.

2. Về con chung: Ông Hồ Văn T được trực tiếp nuôi dạy con chung tên: Hồ Thị Kim A, sinh ngày 25/01/2016. Bà Trần Thị H không phải cấp dưỡng để nuôi dạy con chung.

Bà Trần Thị H cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được nuôi con của ông Hồ Văn T. Ngược lại, ông Hồ Văn T cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở bà Trần Thị H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác: Bà Trần Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí mà bà H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007232 ngày 26/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện AP, tỉnh An Giang.

Ông Hồ Văn T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

4. Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai vắng mặt bà Trần Thị H và ông Hồ Văn T. Bà H và ông T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

5. Giấy chứng nhận kết hôn số 121, quyển số I/2015 ngày 27/8/2015 của Ủy ban nhân dân xã QT, huyện AP, tỉnh An Giang cấp cho bà Trần Thị H và ông Hồ Văn T không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện AP;
- THADS huyện AP;
- UBND xã QT,
huyện AP;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Tuấn